

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **67/2024/DS – PT**

Ngày 13 – 6 – 2024;

V/v Tranh chấp về hợp đồng góp vốn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Dũng**.

Các Thẩm phán: bà **Nguyễn Thị Liên**,
ông **Phạm Quốc Bảo**.

- Thư ký phiên tòa: bà **Trần Thị Mẫn** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà **Phạm Thị Ngọc Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2024/TLPT - DS ngày 09 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp vốn về chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS - ST ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 35/2024/QĐ - PT ngày 20 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** ông **Phạm Bá T**, sinh năm 1992; địa chỉ: K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam;

- **Các bị đơn:**

1. Bà **Lương Thị Mỹ L**, sinh năm 1987;

2. Ông **Chung Xuân T1**, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- **Người kháng cáo:** nguyên đơn **Phạm Bá T**, bị đơn **Lương Thị Mỹ L**;

- **Kháng nghị:** Quyết định kháng nghị số 01/QĐ – VKS – DS ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Các ông bà L, T1, T có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn cho rằng: tháng 7 năm 2019, theo đề nghị của các bị đơn, nguyên đơn thống nhất góp vốn cùng với các bị đơn để nhận chuyển nhượng chung thửa đất có diện tích 110m² (*chiều ngang 05m*), của ông B, tại K, thị trấn N, giá trị lô đất là 500.000.000 đồng, mỗi bên góp 250.000.000 đồng. Nguyên đơn đã chuyển tiền cho bà L 240.000.000 đồng, hẹn 01 tháng sau sẽ có sổ đỏ và thanh toán số tiền góp còn lại 10.000.000 đồng. Sau khi góp vốn, nguyên đơn phát hiện bà L giao cọc 730.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của người khác (*ông H, bà T2*) với giá 780.000.000 đồng (*1/2 thửa đất là 390.000.000 đồng*). Cho rằng bà L không thực hiện đúng thỏa thuận và hiện nay không làm được giấy tờ quyền sử dụng đất nên nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả lại 240.000.000 đồng đã góp và tiền lãi 101.973.000 đồng, tiền mất thu nhập 364.250.000 đồng, tiền chi phí luật sư

40.000.000 đồng, tiền thiệt hại về tinh thần 90.000.000 đồng. Sau đó nguyên đơn rút lại yêu cầu bồi thường thiệt hại tinh thần, tiền mất thu nhập và tiền chi phí thuê luật sư, giữ yêu cầu trả 240.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 12 tháng 9 năm 2019 đến ngày 02 tháng 4 năm 2024, tổng số tiền là 349.315.000 đồng.

Các bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho rằng: việc góp tiền để mua đất (5mx22m) đúng như nguyên đơn trình bày, nhưng đất này của ông Châu H1 chuyển nhượng qua vợ chồng ông H, bà T2 và các bị đơn đứng ra nhận chuyển nhượng lại, giá trị 500.000.000 đồng, mỗi bên góp 250.000.000 đồng, và nguyên đơn đã góp 240.000.000 đồng, hiện đất chưa làm xong giấy tờ là do nguyên nhân khách quan, giá đất xuống nên các bị đơn chỉ chấp nhận trả cho nguyên đơn 50% giá trị quyền sử dụng đất hiện nay là 150.000.000 đồng.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS - ST ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ khoản 2 Điều 244, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 116, 117, 119, 122, 127, 385 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: *đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Phan Bá T3 về việc bồi thường tiền mất thu nhập 364.250.000 đồng, tiền chi phí nhờ luật sư 40.000.000 đồng, tiền thiệt hại về tinh thần 90.000.000 đồng; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Bá T, buộc bà Lương Thị Mỹ L và ông Chung Xuân T1 trả lại cho ông Phạm Bá T 240.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày phát sinh tranh chấp (19/4/2021) đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất 10%/năm là 70.933.324 đồng, tổng số tiền phải trả là 310.933.324 đồng.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10 tháng 4 năm 2024, bị đơn Lương Thị Mỹ L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; ngày 16 tháng 4 năm 2024, nguyên đơn Phạm Bá T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm liên quan đến tiền lãi và chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định kháng nghị số 01/QĐ – VKS – DS , đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam giữ nguyên nội dung kháng nghị và phát biểu ý kiến: Tòa án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý, xét xử vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, chấp nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 06/2024/DS - ST ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam theo hướng tính lại số tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên kháng nghị, nguyên đơn, bị đơn Lương Thị Mỹ L giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

[2]. Xét kháng nghị, kháng cáo

[2.1]. Về thủ tục tố tụng tại cấp phúc thẩm:

Việc thụ lý kháng nghị, kháng cáo trong thời hạn, đúng điều kiện, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N và kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn Lương Thị Mỹ L là hợp pháp.

[2.2]. Về nội dung kháng nghị, kháng cáo

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn khẳng định không yêu cầu tính lãi trên số tiền góp vốn (BL 01), Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu khởi kiện của về việc buộc các bị đơn trả lại số tiền 240.000.000 đồng (BL 26). Sau khi Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử (BL 89), ngày 20 tháng 9 năm 2023, nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết phần tiền lãi chậm trả và yêu cầu bồi thường thiệt hại do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền (BL 91 – 100). Tòa án cấp sơ thẩm không xử lý đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà tạm ngừng phiên tòa, tiến hành thu thập chứng cứ, mở lại phiên tòa, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại, xem xét, chấp nhận một phần yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn là thực hiện không đúng điều kiện, trình tự, thủ tục thụ lý, xử lý yêu cầu khởi kiện bổ sung theo quy định tại các điều 190, 191, 195, 196, 199, 243, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sai sót này dẫn đến bản án sơ thẩm quyết định đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về tính tiền lãi chậm trả thuộc vụ án không có căn cứ pháp luật, xâm phạm quyền lợi hợp pháp của các đương sự; thuộc trường hợp “*vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự*” được quy định tại khoản 2 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Phạm Bá T, bị đơn Lương Thị Mỹ L, hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 06/2024/DS - ST ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện N giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và Hội đồng xét xử đã nhận định cần phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, nên không xem xét, nhận định phần kháng cáo, kháng nghị về nội dung của bản án sơ thẩm.

[2.3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: nguyên đơn và bị đơn Lương Thị Mỹ L không chịu; hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí ông T, bà L đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần nội dung Quyết định kháng nghị số 01/QĐ – VKS – DS ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam và một phần kháng cáo của nguyên đơn Phạm Bá T, bị đơn Lương Thị Mỹ L, hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS - ST ngày 02 tháng 4 năm

2024 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện N giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Phạm Bá T, bà Lương Thị Mỹ L không chịu. Hoàn trả lại ông Phạm Bá T, bà Lương Thị Mỹ L mỗi người 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N số 0006568 ngày 26 tháng 4 năm 2024 (đối với ông Phạm Bá T) và số 0006543 ngày 15 tháng 4 năm 2024 (đối với bà Lương Thị Mỹ L).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 13 tháng 6 năm 2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND huyện N;
- THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dũng